

Bản án số: 17/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 31 - 5 - 2019
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc H-NĐ, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp KQ B, xã VK, An Minh, Kiên Giang. *Có mặt.*

Bị đơn: Anh Phạm TE-BĐ, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp KQ B, xã VK, huyện An Minh, Kiên Giang. *Xin vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16-7-2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H-NĐ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị H-NĐ và anh TE-BĐ quen biết nhau trước được một thời gian thì về sống chung. Thời gian về sống chung là tháng 01 năm 1999. Anh, chị sống chung không có đăng ký kết hôn nhưng có 2 đứa con chung. Đứa lớn tên Phạm Huỳnh Đ, sinh ngày 15-3-2000 và Phạm Kim N, sinh ngày 07-02-2013.

Sống chung đầm ấm hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay.

Về tài sản chung hiện nay không có; cũng không nợ ai.

Chị H-NĐ khởi kiện xin được ly hôn với anh TE-BĐ; về con: chị H-NĐ yêu cầu được nuôi 2 đứa con (hiện đang sống với chị), không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16-4-2019, bị đơn anh Phạm TE-BĐ trình bày: Anh và chị H-NĐ sống chung với nhau từ năm 1999, không đăng ký kết hôn. Anh, chị có 2 người con chung là Phạm Huỳnh Đ, sinh ngày 15-3-2000 và Phạm Kim N, sinh ngày 07-02-2013; 2 con hiện đang sống chung với chị H-NĐ. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Theo yêu cầu của chị H-NĐ, anh TE-BĐ đồng ý ly hôn; về con đồng ý giao chị H-NĐ nuôi.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh TE-BĐ và chị H-NĐ; về con giao cho chị H-NĐ nuôi dưỡng, anh TE-BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh TE-BĐ tham gia vụ án với tư cách là bị đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh TE-BĐ.

[2] Về quan hệ hôn nhân, anh Phạm TE-BĐ và chị Nguyễn Ngọc H-NĐ sống chung với nhau vào tháng 01 năm 1999 và sống chung từ đó đến khi ly thân vào năm 2016. Quá trình sống chung anh, chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, mặc dù anh TE-BĐ, chị H-NĐ sống chung trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn nhưng do ông, bà không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống*

với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng” và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Đối chiếu với quy định nêu trên, nay chị H-NĐ có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý vụ việc và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H-NĐ và anh TE-BĐ.

[3] Về con chung, anh, chị có 2 người con chung là Phạm Huỳnh Đ, sinh ngày 15-3-2000 và Phạm Kim N, sinh ngày 07-02-2013; 2 cháu hiện đang sống chung với chị H-NĐ. Chị H-NĐ yêu cầu và anh TE-BĐ đồng ý giao cho chị H-NĐ trực tiếp nuôi 2 con chung sau ly hôn nên HĐXX ghi nhận. Do cháu Đ đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành nên không xét. HĐXX chỉ xem xét và giao cháu N cho chị H-NĐ nuôi dưỡng. Anh TE-BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H-NĐ không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh, chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí, nguyên đơn chị H-NĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Ngọc H-NĐ và anh Phạm TE-BĐ.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Kim N, sinh ngày 07-02-2013 cho chị Nguyễn Ngọc H-NĐ tiếp tục nuôi dưỡng (cháu N đang chung sống với chị H-NĐ). Anh TE-BĐ không phải phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, chị Nguyễn Ngọc H-NĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006015 ngày 07-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt (chị H-NĐ) có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31-5-2019). Đương sự vắng mặt (anh TE-BĐ) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công

Lê Chí Công